

Bản án số: **45/2026/HS-PT**

Ngày 24 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương, ông Triệu Ngọc Thúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Minh.

Ngày 24 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử tầng 2, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2026/TLPT-HS, ngày 03 tháng 9 năm 2026 đối với bị cáo Vũ Thị Bích N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Thị Bích N, sinh ngày 27/9/1975 tại xã X, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn T, xã P, tỉnh Tuyên Quang); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Minh Đ, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Vũ Thị M, sinh năm 1944; chồng: Trần Đức T, sinh năm 1980; con: Có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1991; con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 02/02/2024 đến ngày 20/02/2024, Vũ Thị Bích N cho Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã N, tỉnh Tuyên Quang vay 03 lần, mức lãi suất từ 3.500 đồng/01 triệu đồng/01 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 02/02/2024 Nguyễn Thị D đến nhà Vũ Thị Bích N vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để kinh doanh. Hai bên thỏa thuận lãi suất là

3.500 đồng/01 triệu đồng/01 ngày.

Lần 2: Ngày 06/02/2024 Nguyễn Thị D đến nhà Vũ Thị Bích N vay 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) để kinh doanh. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

Lần 3: Ngày 20/02/2024 Nguyễn Thị D đến nhà Vũ thị Bích N vay số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) để kinh doanh. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày.

Ngày 16/3/2024 Nguyễn Thị D trả gốc và lãi của 03 lần vay cho Vũ Thị Bích N cụ thể như sau:

Trả khoản vay lần 1: Số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng; Số tiền lãi của 44 ngày là 154.000.000 đồng. Tiền lãi theo Điều 468 Bộ luật Dân sự là 24.100.000 đồng. Bị cáo thu vượt 129.900.000 đồng (cao gấp 6,39 lần mức lãi suất cho phép).

Trả khoản vay lần 2: Số tiền gốc là 200.000.000 đồng; Số tiền lãi của 40 ngày vay là 40.000.000 đồng. Tiền lãi theo Điều 468 Bộ luật Dân sự là 4.384.000 đồng. Bị cáo thu vượt 35.616.000 đồng (cao gấp 9,1 lần mức lãi suất cho phép).

Trả khoản vay lần 3: Số tiền gốc là 200.000.000 đồng; Số tiền lãi của 26 ngày vay là 26.000.000 đồng. Tiền lãi theo Điều 468 Bộ luật Dân sự là 2.849.000 đồng. Bị cáo thu vượt 23.151.000 đồng (cao gấp 9,1 lần mức lãi suất cho phép).

Từ ngày 04/6/2024 đến ngày 20/6/2024 bị cáo Vũ Thị Bích N dùng số tiền Nguyễn Thị D đã trả vào ngày 16/3/2024 để cho Nguyễn Thị D vay tiếp 03 lần, mức lãi suất từ 3.333 đồng/01 triệu đồng/1 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, cụ thể như sau:

Lần 4: Ngày 04/6/2024 Nguyễn Thị D đến nhà Vũ Thị Bích N vay 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) để kinh doanh. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.333 đồng/ 01 triệu đồng/01 ngày.

Lần 5: Ngày 13/6/2024 Nguyễn Thị D vay Vũ Thị Bích N 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) để kinh doanh. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/ 01 triệu đồng/ 01 ngày.

Lần 6: Ngày 20/6/2024 Nguyễn Thị D vay Vũ Thị Bích N 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 4.444 đồng/ 01 triệu đồng/01 ngày.

Ngày 20/9/2024 Nguyễn Thị D và Vũ Thị Bích N chốt nợ như sau:

Gốc và lãi vay lần 4: Tiền gốc: 300.000.000 đồng, ngày tính lãi: 108 ngày, số tiền lãi phải trả là 108.000.000 đồng. Tiền lãi theo Điều 468 Bộ luật Dân sự là 17.749.000 đồng. Bị cáo thu vượt 90.251.000 đồng (cao gấp 6,08 lần mức lãi suất cho phép).

Gốc và lãi vay lần 5: Tiền gốc: 200.000.000 đồng, ngày tính lãi: 38 ngày với tiền lãi là 38.000.000 đồng. Tiền lãi theo Điều 468 Bộ luật Dân sự là 4.164.000 đồng. Bị cáo thu vượt 33.836.000 đồng (cao gấp 9,1 lần mức lãi suất cho phép).

Gốc và lãi vay lần 6: Tiền gốc: 450.000.000 đồng, ngày tính lãi: 92 ngày với tiền lãi là 184.000.000 đồng. Tiền lãi theo Điều 468 Bộ luật Dân sự là 22.688.000 đồng. Bị cáo thu vượt 161.312.000 đồng (cao gấp 8,1 lần mức lãi suất cho phép).

Ngày 02/10/2024, Nguyễn Thị D trả toàn bộ tiền gốc của các khoản vay các lần vay 4,5,6 cho Vũ Thị Bích N với tổng số tiền là 950.000.000 đồng.

Ngày 05/10/2024 Nguyễn Thị D trả toàn bộ tiền lãi của các khoản vay các lần vay 4,5,6 cho Vũ Thị Bích N với tổng số tiền là 330.000.000 đồng.

Sau ngày chốt nợ (ngày 20/9/2024) đến ngày trả hết nợ (ngày 05/10/2024) Vũ Thị Bích N không tính thêm lãi suất đối với các lần vay 4, 5, 6.

Như vậy, từ ngày 02/02/2024 đến ngày 20/9/2024 bị cáo Vũ Thị Bích N đã cho Nguyễn Thị D vay 06 lần với mức lãi suất từ 3.333 đồng/01 triệu đồng/1 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu đồng/1 ngày, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính với tổng số tiền là: 474.066.000 đồng.

Tiền gốc bị cáo Vũ Thị Bích N đã dùng để cho Nguyễn Thị D vay tại các lần cho vay 1,2,3 là 1.400.000.000 đồng. Số tiền gốc bị cáo Vũ Thị Bích N đã dùng để cho Nguyễn Thị D vay tại các lần cho vay 4,5,6 là số tiền thu từ Nguyễn Thị D trả ngày 16/3/2024 sau đó quay vòng để cho vay tiếp trong các lần vay 4,5,6.

Tổng số tiền lãi của 06 lần vay Nguyễn Thị D trả cho Vũ Thị Bích N là 550.000.000 đồng. Tiền lãi theo Điều 468 Bộ luật Dân sự là 75.934.000 đồng. Tiền lãi thu vượt là 474.066.000 đồng.

Bị cáo Vũ Thị Bích N khai nhận số tiền sử dụng cho Nguyễn Thị D vay có nguồn gốc là do N đi vay của người thân, bạn bè. Trong đó, N vay của Lê Đức T1 (sinh năm 1988; trú tại thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang) số tiền 1.045.000.000 đồng không tính lãi; vay của chị dâu là Phạm Thị M1 (sinh năm 1981; trú tại số E, ngõ B K, phường K, thành phố Hà Nội) số tiền 400.000.000 đồng không tính lãi.

Ngày 06/10/2024, N trả cho T1 số tiền đã vay là 1.045.000.000 đồng và trả cho M1 số tiền đã vay là 400.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang đã quyết định:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 46, Điều 47, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5, Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 21; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Bích N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Thị Bích N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2026).

Giao bị cáo Vũ Thị Bích N cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị

cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) là số tiền gốc bị cáo Vũ Thị Bích N dùng để cho vay nhằm thu lời bất chính; truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 75.934.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn đồng) là khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự phát sinh từ tội phạm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, bị cáo Vũ Thị Bích N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên quyết định cho hưởng án treo; đề nghị sửa bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp, không buộc bị cáo phải nộp 1.400.000 đồng bằng tài sản riêng của mình để sung ngân sách nhà nước; trường hợp cần xử lý thì phải xác định đúng khoản tiền, tài sản trực tiếp liên quan đến tội phạm và quyền sở hữu hợp pháp của người thứ ba.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị Bích N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời cũng đã áp dụng biện pháp tư pháp, truy thu khoản tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội là đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh việc kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thị Bích N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã xác định, không kêu oan, không có ý kiến về tội danh, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên quyết định cho hưởng án treo; đồng thời xem xét không truy thu khoản tiền 1.400.000.000 đồng đối với bị cáo.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám xét, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định từ tháng 02/2024 đến tháng 09/2024, Vũ Thị Bích N đã cho bà Nguyễn Thị D vay 06 lần với mức lãi suất từ 3.333 đồng/01 triệu đồng/01 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, vượt từ 6,1 lần đến 9,1 lần mức lãi suất cho phép, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 474.066.000 đồng.

Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo:

- *Về nội dung đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt và giữ nguyên quyết định cho hưởng án treo:*

Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: “*Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Bị cáo phạm tội thu lợi bất chính số tiền 474.066.000 đồng, cấp sơ thẩm đã xem xét việc bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 và đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; tình tiết bị cáo có mẹ (bà Vũ Thị M) có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù (trong khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm) là tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo là đã có sự khoan hồng, cân nhắc về hoàn cảnh của bị cáo (đang nuôi 02 nhỏ và nuôi 01 cháu nội mồ côi cha mẹ).

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tài liệu thể hiện bị cáo bị bệnh huyết áp, tuy nhiên cấp sơ thẩm không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo, lý do bị cáo trình bày để xin giảm hình phạt không làm thay đổi căn cứ lượng hình của bản án sơ thẩm. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của bị cáo không được chấp nhận.

- *Về nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp, không buộc bị cáo phải nộp 1.400.000 đồng bằng tài sản riêng của mình để sung ngân sách nhà nước; trường hợp cần xử lý thì phải xác định đúng khoản tiền, tài sản trực tiếp liên quan đến tội phạm và quyền sở hữu hợp pháp của người thứ ba:*

Theo nội dung bản án sơ thẩm, bị cáo trực tiếp nhận tiền vay (ông T1 cho vay 1.045.000.000 đồng, bà M1 cho vay 400.000.000 đồng; tổng cộng là 1.445.000.000 đồng), bị cáo tự quyết định dùng 1.400.000.000 đồng để cho bà Nguyễn Thị D vay với lãi suất trái pháp luật và đã nhận lại tiền gốc. Ông T1, bà M1 cho bị cáo vay tiền không thỏa thuận để bị cáo sử dụng tiền vào việc phạm tội. Vì vậy, nghĩa vụ trả nợ giữa bị cáo với ông T1, bà M1 là quan hệ dân sự riêng. Việc bị cáo trả nợ cho những người trên không làm thay đổi bản chất của

1.400.000.000 đồng tiền gốc bị cáo đã dùng để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Bản án sơ thẩm cũng đã xác định 950.000.000 đồng cho vay ở các lần tiếp theo là tiền quay vòng từ khoản gốc ban đầu và không truy thu thêm khoản này.

Quyết định truy thu số tiền 1.400.000.000 đồng xác định là khoản tiền dùng vào việc phạm tội mà bị cáo phải nộp, không phải quyết định tịch thu tài sản cụ thể thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông T1, bà M1 hoặc người thứ ba khác. Do đó, quan điểm cho rằng phải xác định quyền sở hữu của người thứ ba để loại trừ nghĩa vụ nộp khoản tiền này của bị cáo không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định truy thu khoản tiền cho vay (tiền gốc) 1.400.000.000 đồng của bị cáo để sung ngân sách nhà nước là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên cũng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về nội dung này.

Vì vậy, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang về phần hình phạt và biện pháp tư pháp đối với bị cáo Vũ Thị Bích N.

[4]. Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Bích N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang về hình phạt và biện pháp Tư pháp như sau:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị Bích N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/7/2026).

Giao bị cáo Vũ Thị Bích N cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Công an xã P Sủ có nhiệm vụ trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân xã quản lý, giám sát, giáo dục người được hưởng án treo theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, Công an xã trong việc quản lý, giám sát, giáo dục người được hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về biện pháp Tư pháp: Truy thu của bị cáo Vũ Thị Bích N số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội để sung ngân sách nhà nước.

2. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2026)./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1 TANDTC;
- VKSND tối cao (Vụ 7);
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng HSNV CA tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 6 - Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 6 - Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Thị Tuyết Mai

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Chương - Triệu Ngọc Thúc

Ma Thị Tuyết Mai

